

BÁO CÁO
Công tác Y tế Quý I năm 2023
Phương hướng nhiệm vụ quý II năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

A. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC Y TẾ QUÝ I NĂM 2023

I. CÔNG TÁC Y TẾ DỰ PHÒNG

1. Tình hình dịch bệnh trong tháng:

a) Trong tháng 3/2023, tình hình dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh như sau¹:

Trong tháng ghi nhận 06 bệnh có ca mắc, không gây dịch:

- Thương hàn: Số ca mắc: 4, tích lũy mắc: 7; số ca tử vong: 0, tích lũy tử vong: 0²
- Bệnh Quai bị: Số ca mắc: 6, tích lũy: 11; số ca tử vong: 0, tích lũy: 0³
- Bệnh Thủy đậu: số ca mắc: 61, tích lũy: 127; số ca tử vong: 0, tích lũy: 0⁴
- Tay chân miệng: Số ca mắc: 25, tích lũy: 72; tử vong: 0, tích lũy: 0⁵
- Ly Amibp: Số ca mắc: 1, tích lũy mắc: 1; tử vong: 0, tích lũy: 0⁶
- Viêm gan virus B: số ca mắc: 01, tích lũy: 02; số ca tử vong: 0, tích lũy: 0⁷
- Sốt xuất huyết (A90): Số ca mắc:110, tích lũy mắc: 466; số ca tử vong: 0, tích lũy tử vong: 01⁸.

b) Nhận xét, đánh giá tình hình dịch bệnh truyền nhiễm:

- Trong tháng 3 ghi nhận 6 bệnh truyền nhiễm có số ca mắc. Trong đó 5 bệnh có số ca mắc rải rác, không gây dịch và 1 bệnh có số ca mắc cao.

¹Các bệnh có số mắc 0, tử vong 0: Tả (A00): số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Viêm não Nhật Bản: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Viêm màng não do não mô cầu (A39): số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Cúm A/H5N1: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Cúm A/H7N9: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Cúm A/H1N1: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Bệnh Ho gà: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Bệnh Bạch hầu: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Sốt phát ban nghi sởi: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Sởi dương tính: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Bệnh do virus Zika: số ca mắc: 0, tích lũy: 0; Bệnh Đại: số ca mắc: 0, tích lũy: 0

² Bệnh Thương hàn: Số ca mắc: 4, tăng 4 ca so với tháng trước; tích lũy mắc: 7, tăng 6 ca so với cùng kỳ năm trước. Số ca tử vong: 0, bằng với tháng trước; tích lũy tử vong: 0, bằng với cùng kỳ năm trước.

³Bệnh Quai bị: Số ca mắc: 6, tăng 3 ca so với tháng trước; tích lũy mắc: 11, giảm 2 ca so với cùng kỳ năm trước. Số ca tử vong: 0, bằng với tháng trước; tích lũy tử vong: 0, bằng với cùng kỳ năm trước.

⁴Bệnh Thủy đậu: Số ca mắc 61, tăng 8 ca so với tháng trước; tích lũy mắc: 127, tăng 116 ca so với cùng kỳ năm trước. Số ca tử vong: 0, bằng với tháng trước; tích lũy tử vong: 0, bằng với cùng kỳ năm trước.

⁵Bệnh Tay chân miệng: Số ca mắc 25, tăng 16 ca so với tháng trước; tích lũy mắc: 72, tăng 61 ca so với cùng kỳ năm trước. Số ca tử vong: 0, bằng với tháng trước; tích lũy tử vong: 0, bằng với cùng kỳ năm trước.

⁶Ly Amibp: Số ca mắc: 1, tăng 1 ca so với tháng trước; tích lũy mắc: 1. Số ca tử vong: 0, bằng với tháng trước.

⁷Bệnh Viêm gan virus: Số ca mắc 01, giảm 1 ca so với tháng trước; tích lũy mắc: 1, bằng với cùng kỳ năm trước. Số ca tử vong: 0, bằng với tháng trước; tích lũy tử vong: 0.

⁸Bệnh Sốt xuất huyết (A90): Số ca mắc: 110, giảm 3 ca so với tháng trước; tích lũy mắc: 466, tăng 7 ca so với cùng kỳ năm trước. Số ca tử vong: 0, bằng với tháng trước; tích lũy tử vong: 1, tăng 1 ca so với cùng kỳ năm trước.

2. Công tác tiêm chủng mở rộng:

- Số trẻ tiêm đủ 8 loại vắc xin cho trẻ dưới 1 tuổi 1.588 trẻ, số cộng dồn 4.097, đạt tỷ lệ 27,4% chỉ tiêu kế hoạch được giao (98%).
- Số trẻ được tiêm phòng uốn ván sơ sinh 1.648 trẻ, số cộng dồn 2.781, đạt tỷ lệ 18,25% chỉ tiêu kế hoạch được giao (>85%).
- Số trẻ được tiêm vắc xin VNNB3 cho trẻ đã tiêm đủ 02 liều Viêm não Nhật Bản 2.208 trẻ, số cộng dồn 3.286, đạt tỷ lệ 24,4% chỉ tiêu kế hoạch được giao (90%).
- Số trẻ được tiêm đủ 2 liều Viêm não Nhật Bản cho trẻ ≥ 12 tháng 1.659 trẻ, số cộng dồn 3.142, đạt tỷ lệ 23,8% chỉ tiêu kế hoạch được giao (90%).
- Số trẻ tiêm nhắc DPT4 cho trẻ ≥ 18 tháng 2.108 trẻ, số cộng dồn 3.702, đạt tỷ lệ 27,2% chỉ tiêu kế hoạch được giao (90%).
- Số trẻ tiêm MR cho trẻ ≥ 18 tháng 2.442 trẻ, số cộng dồn 4.783 trẻ, đạt tỷ lệ 33,3% chỉ tiêu kế hoạch được giao (95%).
- Số phụ nữ có thai tiêm đủ liều vắc xin uốn ván 1.347 mũi, số cộng dồn 3.437, đạt tỷ lệ 24,8% chỉ tiêu kế hoạch được giao (90%)
- Không để xảy ra các bệnh bại liệt, bạch hầu, ho gà, sởi uốn ván sơ sinh.

3. Công tác phòng, chống HIV/AIDS:

a) Tình hình nhiễm HIV/AIDS

Nội dung báo cáo	Tháng báo cáo (Từ 01/02/2023 đến 28/02/2023)	Tháng trước tháng báo cáo (Từ 01/01/2023 đến 31/01/2023)	Tháng cùng tháng báo cáo năm trước (Từ 01/02/2022 đến 28/02/2022)
Số người nhiễm HIV báo cáo trong tháng (gồm cả số mới xét nghiệm và số xét nghiệm lần trước)	8	7	9
Số chuyển bệnh nhân AIDS báo cáo trong tháng (gồm số mới trong tháng và số chuyển AIDS báo cáo bổ sung)	0	0	0
Số bệnh nhân tử vong báo cáo trong tháng (gồm số tử vong trong tháng và số tử vong từ trước báo cáo bổ sung)	0	1	1

b) Nhận xét, đánh giá phòng, chống HIV/AIDS

- Tính đến ngày 28/02/2023, số trường hợp nhiễm HIV tích lũy là 5.359 người (số hiện còn sống là 3.233 người), số bệnh nhân AIDS tích lũy đến hiện tại là 3.532 người, số người nhiễm HIV tử vong tích lũy là 2.126 trường hợp.

- So với tháng trước, số trường hợp nhiễm HIV tăng 01 ca; số bệnh nhân AIDS tương đương (0 ca), số trường hợp tử vong giảm 01 ca.

- So với cùng kỳ năm trước, số trường hợp nhiễm HIV giảm 01 ca; số bệnh nhân AIDS tương đương (0 ca), số trường hợp tử vong giảm 01 ca.

c) Điều trị Methadone

- Tính đến 28/12/2023, số cơ sở điều trị Methadone là 03 cơ sở; tổng số bệnh nhân đang điều trị: 413 người.

+ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật: 145 người

+ TTYT TP Vũng Tàu: 149 người

+ TTYT huyện Long Điền: 119 người

- Số cơ sở cấp phát Methadone/số huyện thị thành: 04/04 (gồm các cơ sở huyện Xuyên Mộc, huyện Châu Đức, huyện Đất Đỏ, thị xã Phú Mỹ).

* Lưu ý: Số liệu 145 bệnh nhân hiện đang điều trị Methadone – TTKSBT bao gồm cả số liệu bệnh nhân đang uống tại cơ sở điều trị Methadone – TTKSBT và 4 điểm cấp phát thuốc Methadone vệ tinh Xuyên Mộc, Châu Đức, Đất Đỏ, Phú Mỹ của cơ sở điều trị Methadone.

d) Hoạt động kiểm soát và phòng, chống HIV/AIDS

- Duy trì các hoạt động tại khoa: công tác báo cáo, dự trữ thuốc ARV nguồn BHYT; mua thẻ BHYT cho bệnh nhân không có điều kiện mua thẻ; hoạt động cấp phát thuốc cho bệnh nhân Methadone.

- Thực hiện giám sát hỗ trợ kỹ thuật hoạt động phòng, chống HIV/AIDS, cơ sở điều trị Methadone trên địa bàn.

- Tăng cường thực hiện hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý người nhiễm (phần mềm HIV 4.0) tại tỉnh.

- Triển khai các hoạt động dự án EPIC năm thứ 4 (01/10/2022-30/9/2023).

- Tổ chức hội nghị, tập huấn, giao ban các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS theo tiến độ đề ra.

4. Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm:

a) Tình hình ngộ độc thực phẩm

- Trong tháng, không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm.

- Số liệu cộng dồn 3 tháng năm 2023: 00 vụ ngộ độc thực phẩm, 00 ca mắc, 00 ca tử vong.

b) Triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm

Triển khai các hoạt động mua mẫu, lấy mẫu xét nghiệm giám sát nguy cơ ô nhiễm thực phẩm đối với thực phẩm ăn ngay, nước uống đóng chai, nước đá, thực

phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng tại các Cơ sở sản xuất, kinh doanh, Chợ, Cửa hàng tạp hóa và mẫu thực phẩm lưu tại các Nhà hàng - Khách sạn, Bếp ăn tập thể, Trường học.

c) Kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm an toàn thực phẩm

Tháng 3 toàn tỉnh đã kiểm tra 570 cơ sở, số cơ sở đạt tiêu chuẩn là 539, chiếm tỷ lệ 94,6%, số cơ sở vi phạm là 31, số cơ sở bị xử lý là 02, số tiền nộp phạt là 24.000.000 đồng. Trong đó:

- Tuyên tỉnh: số cơ sở kiểm tra: 33, số cơ sở đạt: 31, tỷ lệ đạt: 93,9%;
- Tuyên huyện: số cơ sở kiểm tra: 138, số cơ sở đạt: 132, tỷ lệ đạt: 95,7%;
- Tuyên xã: số cơ sở kiểm tra: 399, số cơ sở đạt: 376, tỷ lệ đạt: 94,2%;

Cộng dồn 3 tháng: Toàn tỉnh đã kiểm tra 2.293 cơ sở, số cơ sở đạt tiêu chuẩn là 2.140, chiếm tỷ lệ 93,3%, số cơ sở vi phạm là 153, số cơ sở bị xử lý là 13, số tiền nộp phạt là 78.375.000 đồng. Trong đó:

- Tuyên tỉnh: số cơ sở kiểm tra: 94, số cơ sở đạt: 90, tỷ lệ đạt: 95,7%;
- Tuyên huyện: số cơ sở kiểm tra: 530, số cơ sở đạt: 485, tỷ lệ đạt: 91,5%;
- Tuyên xã: số cơ sở kiểm tra: 1.669, số cơ sở đạt: 1.565, tỷ lệ đạt: 93,8%;

d) Kết quả xét nghiệm

- Các chỉ tiêu có tỷ lệ đạt 100% bao gồm: 204 mẫu thực phẩm kiểm tra Hàn the; 123 mẫu thực phẩm kiểm tra Formol; 23 mẫu rượu kiểm tra Methanol; 46 mẫu thực phẩm kiểm tra phẩm màu; 01 mẫu thực phẩm kiểm tra nấm ăn; 14 mẫu thực phẩm kiểm tra Salicilic; 07 mẫu thực phẩm kiểm tra Nitrit; 27 mẫu thực phẩm kiểm tra Nitrat.

- Cộng dồn 3 tháng năm 2023⁹: Các chỉ tiêu có tỷ lệ đạt 100% bao gồm: 706 mẫu thực phẩm kiểm tra Hàn the; 360 mẫu thực phẩm kiểm tra Formol; 104 mẫu rượu kiểm tra Methanol; 96 mẫu thực phẩm kiểm tra phẩm màu; 25 mẫu thực phẩm kiểm tra nấm ăn; 14 mẫu thực phẩm kiểm tra Salicilic; 16 mẫu thực phẩm kiểm tra Nitrit; 36 mẫu thực phẩm kiểm tra Nitrat.

đ) Công tác tuyên truyền

Tháng 3, viết 07 bài báo về an toàn thực phẩm trên toàn tỉnh; Số bài phát trên loa truyền thanh: 65; Tờ rơi, áp phích: 05 cái.

Cộng dồn 3 tháng: viết 25 bài báo về an toàn thực phẩm trên toàn tỉnh; Số bài phát trên loa truyền thanh: 129; Pano: 260 cái; Tờ rơi, áp phích: 10 cái; Băng rôn: 67 cái; Xe loa tuyên truyền: 03; Nói chuyện chuyên đề ATTP: 32 buổi/ 22,337 người tham dự; Tập huấn kiến thức ATTP cho cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống: 03 lớp/254 người.

e) Nhận xét, đánh giá quản lý an toàn thực phẩm

⁹ Các chỉ tiêu có tỷ lệ đạt 100% bao gồm: 204 mẫu thực phẩm kiểm tra Hàn the; 132 mẫu thực phẩm kiểm tra Formol; 23 mẫu rượu kiểm tra Methanol; 46 mẫu thực phẩm kiểm tra phẩm màu; 01 mẫu thực phẩm kiểm tra nấm ăn; 07 mẫu thực phẩm kiểm tra Nitrit; 27 mẫu thực phẩm kiểm tra Nitrat..

- 502 mẫu thực phẩm kiểm tra hành the, đạt 502 mẫu, tỷ lệ đạt 100%.

- 123 mẫu thực phẩm kiểm tra Formol, đạt 123 mẫu, tỷ lệ đạt 100%.

- Số lượt kiểm tra tháng 02 năm 2023 cao hơn so với cùng kỳ năm 2022: 1.359 (tăng 1,5 lần). Lý do cùng kỳ năm 2022 do tình hình dịch bệnh vẫn chưa hoàn toàn ổn định do đó, nên hoạt động kiểm tra ATVS thực phẩm điều chỉnh để phù hợp với tình hình xã hội.

+ Tuyển tỉnh: số cơ sở kiểm tra: 94, số cơ sở đạt: 90, tỷ lệ đạt: 95,7%;

+ Tuyển huyện: số cơ sở kiểm tra: 530, số cơ sở đạt: 485, tỷ lệ đạt: 91,5%;

+ Tuyển xã: số cơ sở kiểm tra: 1.669, số cơ sở đạt: 1.565, tỷ lệ đạt: 93,8%;

- Tháng 02/2023, không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm nào trên địa bàn tỉnh.

5. Công tác quản lý môi trường y tế:

a) Vệ sinh lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp:

- Số cơ sở quan trắc môi trường lao động: thực hiện trong tháng 00, số liệu cộng dồn: 01 cơ sở.

- Số cơ sở khám sức khỏe định kỳ/ số người được khám: thực hiện trong tháng là 21 cơ sở/155 người, số liệu cộng dồn: 63 cơ sở/462 người.

- Số cơ sở được khám bệnh nghề nghiệp/số người lao động được khám bệnh nghề nghiệp: thực hiện trong tháng là 01 cơ sở/02 người, số liệu cộng dồn là: 01 cơ sở/02 người.

- Số cơ sở lao động được quản lý: thực hiện trong tháng 02 cơ sở, số liệu cộng dồn 23 cơ sở.

b) Công tác quản lý môi trường y tế:

Thực hiện lấy và xét nghiệm 62 mẫu nước tại 14 cơ sở cấp nước trên địa bàn tỉnh¹⁰. Kết quả 62/62 mẫu (100%) đạt tiêu chuẩn QCVN 01-1:2018/BYT.

6. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình:

a) Hoạt động dân số - kế hoạch hóa gia đình:

- Hoạt động sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh

+ Hỗ trợ các đơn vị trong triển khai Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh trong năm 2023.

+ Triển khai Chương trình tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật sơ sinh miễn phí năm 2023 tại các đơn vị gửi mẫu về Bệnh viện Từ Dũ, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tiếp tục triển khai Quyết định số 2186/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đến năm 2030; Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 24/6/2022 về việc triển khai thực hiện gói dịch vụ xét nghiệm sàng lọc trước sinh và sơ sinh miễn phí đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

¹⁰trong đó bao gồm: Công ty cổ phần cấp nước Bà Rịa – Vũng Tàu: 24 mẫu, Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: 21 mẫu, Công ty cổ phần cấp nước Phú Mỹ: 08 mẫu, Công ty Cấp nước Tóc Tiên: 06 mẫu, Công ty cổ phần cấp nước Châu Đức: 3 mẫu

+ Sàng lọc trước sinh: trong tháng đã thực hiện xét nghiệm và tư vấn trả kết quả sàng lọc trước sinh cho 858 thai phụ. Trong đó 03 thai phụ nguy cơ cao và 01 thai phụ nguy cơ ngưỡng, đã tư vấn cho thai phụ thực hiện xét nghiệm sàng lọc trước sinh không xâm lấn NIPT.

+ Sàng lọc sơ sinh: Trong tháng đã thực hiện tư vấn và trả kết quả cho 803 trẻ được sàng lọc sơ sinh; 01 trẻ bị thiếu men G6PD đã thực hiện tư vấn cho gia đình cách phòng ngừa cho trẻ.

- Mô hình “Tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân”.

+ Phối hợp truyền thông qua hệ thống phát thanh loa đài tại địa bàn dân cư, duy trì các hoạt động truyền thông lồng ghép, tư vấn trực tiếp tại cộng đồng.

- Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh

+ Hướng dẫn các Phòng dân số thuộc Trung tâm Y tế triển khai tổ chức các hoạt động truyền thông về giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh tại địa phương.

+ Duy trì sinh hoạt 22 câu lạc bộ Dân số-KHHGD và Dân số-Gia đình-Trẻ em của Hội phụ nữ và Hội nông dân tỉnh.

+ Tiếp tục truyền thông qua hệ thống loa đài tại địa phương và Trạm Y tế về Đề án “Can thiệp giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh”.

- Tiếp tục triển khai việc rà soát thu thập cập nhật thông tin trong cơ sở dữ liệu Dân số-KHHGD và thực hiện báo cáo điện tử thống kê chuyên ngành Dân số-KHHGD hàng tháng.

- Truyền thông về Dân số và phát triển: Tiếp tục thực hiện truyền thông, vận động nhân dân thực hiện chương trình dân số, chú trọng đến chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng tránh bệnh lây truyền qua đường tình dục, phòng tránh mang thai ngoài ý muốn và phá thai; giới và mất cân bằng giới tính khi sinh; vận động cặp vợ chồng trẻ sinh đủ 2 con; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi thích ứng với già hóa dân số.

b) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về dân số

- Tổng số trẻ được sinh ra trong tháng: 1.006 trẻ. Lũy kế 2.884 trẻ, tăng 226 trẻ so cùng kỳ năm 2022.

- Tổng số người sử dụng biện pháp tránh thai: 57.403 người, đạt 110,3% kế hoạch (kế hoạch giao 52.000 người).

c) Nhận xét, đánh giá

Các chỉ tiêu đạt so kế hoạch đề ra.

- Tỷ lệ sàng lọc trước sinh đạt 85%/ chỉ tiêu 85%.

- Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh đạt 80,1%/ chỉ tiêu 80,5%.

- Thực hiện dịch vụ KHHGD đạt 110%.

7. Công tác phòng chống lao, bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính:

a) Phòng chống lao

- Tổng số khám phát hiện: 359, lũy tích 919.
- Số bệnh nhân lao mới 121, lũy tích 292; lao phổi mới 87, lũy tích 206.
- Số bệnh nhân điều trị khỏi chung 108/122; chiếm tỷ lệ 88,5%, trong đó lao phổi 62/68 chiếm 91,2%.
- Số quản lý điều trị lao kháng thuốc 05, lũy tích 14, đạt 28%.
- Số quản lý điều trị lao trẻ em 00, lũy tích 01, đạt 3,8%.

b) Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính

- Số người được khám sàng lọc: 310, lũy tích 701.
- Số người trên 40 tuổi được khám sàng lọc: 251 người, lũy tích 577.
- Số bệnh nhân phát hiện: 43
- Số bệnh nhân quản lý (năm): 45 bệnh nhân.

c) Nhận xét, đánh giá công tác phòng, chống bệnh lao, bệnh phổi

- Bệnh lao: so với cùng kỳ năm trước, số người khám phát hiện lao giảm 10,5%, số bệnh nhân lao các thể thu dung bằng so với cùng kỳ năm trước, số bệnh nhân điều trị khỏi chung giảm 5,6%, số bệnh nhân tử vong tương đương cùng kỳ năm trước.

- Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính: so với cùng kỳ năm trước, số người khám sàng lọc tăng 42%, số bệnh nhân mắc mới phát hiện được trong tháng tăng 60%.

8. Công tác Truyền thông – Giáo dục sức khỏe:

- Truyền thông phòng chống các bệnh truyền nhiễm lưu hành, mới nổi, tái nổi như: COVID-19, Cúm A (H5N1), virus Marburg, Sốt xuất huyết, bệnh Tay chân miệng, bệnh sởi, bệnh viêm não, cúm mùa, bệnh Đậu mùa khỉ, bệnh Lao, Phổi, phòng chống HIV/AIDS,...

- Truyền thông phòng chống các bệnh không lây nhiễm: bệnh thiếu máu não; bệnh tuyến giáp; bệnh huyết áp...

- Truyền thông phòng chống ngộ độc rượu; an toàn thực phẩm ...

- Truyền thông các chủ đề sức khỏe trong tháng hưởng ứng Ngày thế giới phòng chống Ung thư 4/2.

- Truyền thông về các chủ trương, chính sách; chương trình hành động của Đảng, Chính phủ

+ Lấy ý kiến về việc tăng lương cơ sở từ ngày 01/7 với 9 nhóm đối tượng là cán bộ, công chức và lực lượng vũ trang.

+ Thủ tục đăng ký khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế năm 2023.

+ Mức phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức y tế dự phòng, y tế cơ sở áp dụng từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2023.

+ Người tham gia BHYT 5 năm liên tục được hưởng nhiều quyền lợi khi khám, chữa bệnh.

- Tuyên truyền hướng tới kỷ niệm 68 năm ngày thầy thuốc Việt Nam (27/02/1995 – 27/02/2023).

II. CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH

1. Y học hiện đại:

a) Triển khai các hoạt động

- Thực hiện nghĩa vụ luân phiên, ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách thủ tục trong khám chữa bệnh.

- Tiếp tục thực hiện Bộ 83 tiêu chí chất lượng; đổi mới phong cách phục vụ, nâng cao y đức; xây dựng cơ sở y tế “Xanh - Sạch - Đẹp” hướng tới sự hài lòng của người bệnh; thực hiện các chính sách khám chữa bệnh.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, rút ngắn thời gian chờ đợi, tạo thuận lợi cho bệnh nhân trong việc khám chữa bệnh.

b) Kết quả thực hiện

- Trong tháng đã khám, điều trị cho 174.381, lũy tích 534.572 lượt người¹¹. Công suất sử dụng giường bệnh tuyến tỉnh là 80%, tuyến huyện là 17%¹².

- Khám và điều trị cho bệnh nhân nội trú trong tháng 8.107 lượt người, lũy tích 25.666 lượt người. Trong đó: tuyến tỉnh 7.706 lượt người; tuyến huyện 1.031 lượt người.

c) Nhận xét, đánh giá công tác khám chữa bệnh

- So với tháng trước: Số lượt KCB tăng 11%, công suất giường bệnh tuyến tỉnh tăng 25% , tuyến huyện tăng 21%.

- So với cùng kỳ năm trước: Số lượt KCB tăng 6%, công suất giường bệnh tuyến tỉnh tăng 48%, tuyến huyện tăng 54%.

2. Công tác Y dược cổ truyền:

Trong tháng khám và điều trị 20.756 lượt người. Trong đó: Tuyến tỉnh 3.808 lượt khám; Tuyến huyện 12.571 lượt khám; Tuyến xã 4.877 lượt khám.

Nhận xét, đánh giá

Hoạt động khám chữa bệnh YHCT kết hợp chặt chẽ giữa khám chữa bệnh hiện đại và khám chữa bệnh y học cổ y truyền trong công tác khám chữa bệnh.

3. Khám chữa bệnh cho đối tượng thuộc diện Ban BVSCKCB quản lý:

Trong tháng đã khám và điều trị cho đối tượng bệnh nhân là cán bộ 2.220 lượt người¹³. Số liệu cộng dồn đến tháng 3 năm 2023 là 5.769 lượt người¹⁴.

4. Công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em:

¹¹Tổng số lần khám tuyến tỉnh 239.137 lượt khám. Trong đó: BV Vũng Tàu 94.851; BV Bà Rịa 101.172; BV Tâm Thần 12.096; BV Mắt 20.642; BV YHCT 9.828; BV Phôi 548. Tuyến huyện 203.840. Trong đó: TTYT Xuyên Mộc 32.250; TTYT Long Điền 27.990; TTYT Phú Mỹ 26.430; TTYT Châu Đức 24.662; TTYT Côn Đảo 5.543; TTYT Đất Đỏ 22.170; TTYT TP Vũng Tàu 26.490; TTYT TP Bà Rịa 28.332. Tuyến xã 91595 lượt khám. Trong đó: TTYT Xuyên Mộc 8.921; TTYT Long Điền 15.784; TTYT Phú Mỹ 1.326; TTYT Châu Đức 8.917; TTYT Đất Đỏ 5.626; TTYT TP Vũng Tàu 49.273; TTYT TP Bà Rịa 1.748.

¹²Công suất sử dụng giường bệnh tuyến tỉnh 80%. Trong đó: Bệnh viện Vũng Tàu 92%; Bệnh viện Bà Rịa 100%; BV Tâm Thần 87%; BV Mắt 63%, YHCT 59%. Công suất sử dụng giường bệnh tuyến huyện 17%. Trong đó: TTYT Xuyên Mộc 20%; TTYT Long Điền 21%; TTYT Phú Mỹ 18%; TTYT Châu Đức 15%; TTYT Đất Đỏ 7%; TTYT Côn Đảo 11%.

¹³BV Bà Rịa 460, Long Điền 5, Xuyên Mộc 83, BV Vũng Tàu 1.173, Châu Đức 01, Côn Đảo 15, Đất Đỏ 474, Phú Mỹ 3.

¹⁴BV Bà Rịa 1.320, Long Điền 12, Xuyên Mộc 147, BV Vũng Tàu 3.601, Châu Đức 52, Côn Đảo 45, Đất Đỏ 601, Phú Mỹ 18.

a) Triển khai các hoạt động

- Duy trì các hoạt động để thực hiện chỉ tiêu giao và công tác khám chữa bệnh sản phụ khoa tại cơ sở 2 Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.

- Tình trạng đẻ rơi vẫn còn xảy ra, trong tháng có 4 ca đẻ rơi.

b) Kết quả thực hiện

- Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống trong tháng ghi nhận 00 trường hợp, chiếm tỷ lệ 35,5%000 (chỉ tiêu <26%0000).

- Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 01 tuổi trong tháng ghi nhận 01 trường hợp, cộng dồn 06 trường hợp, chiếm 2,1% (chỉ tiêu dưới 8%).

- Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trong tháng ghi nhận 01 trường hợp, cộng dồn 06 trường hợp, chiếm 2,1% (chỉ tiêu dưới 14%).

c) Nhận xét, đánh giá

Các chỉ tiêu nằm trong giới hạn kiểm soát.

III. THỰC HIỆN CÁC CÔNG TÁC TRỌNG TÂM**1. Công tác Văn phòng:**

- Đang nghiên cứu, tìm hiểu thông tin để xây dựng lại chính sách thu hút đào tạo, giữ chân.

- Đang lấy ý kiến các đơn vị về Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ của Sở Y tế (đang chờ ý kiến của UBND Phú Mỹ và UBND huyện Châu Đức – VB đã gửi lần 2).

- Đã hoàn thành công tác xét tuyển viên chức đợt 2 năm 2022.

- Tham mưu kiện toàn các chức danh lãnh đạo của Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị còn thiếu: Đã trình hồ sơ bổ nhiệm chức danh PGĐ SYT, đang tiếp tục kiện toàn chức danh lãnh đạo còn khuyết tại các đơn vị.

- Các nội dung đã thực hiện: tiếp tục triển khai các văn bản liên quan đến công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính.

- Công tác đang thực hiện: Đang tổng hợp danh mục số hóa kết quả thủ tục hành chính.

- Báo cáo số liệu tiếp nhận trong kỳ từ ngày 13/02/2022 – 13/03/2023:

+ Tổng hồ sơ tiếp nhận: 330 hồ sơ; trong đó tồn kỳ trước là 107 hồ sơ, hồ sơ tiếp nhận trực tiếp 13 hồ sơ và hồ sơ trực tuyến 210 hồ sơ.

+ Số hồ sơ đã giải quyết: 201 hồ sơ; trong đó trước hạn 190 hồ sơ, đúng hạn 06 hồ sơ, 05 hồ sơ quá hạn (03 hồ sơ An toàn vệ sinh thực phẩm kết thúc chậm trên hệ thống, 01 hồ sơ Lĩnh vực dự phòng do lãnh đạo chuyển sai luồng, 01 hồ sơ Dược kết thúc chậm trên phần mềm)

+ Số hồ sơ đang giải quyết: 129 hồ sơ, trong đó có 129 hồ sơ trong hạn.

- Kết quả khảo sát sự hài lòng của bệnh nhân điều trị nội trú 94,5%.

2. Công tác Thanh tra, kiểm tra¹⁵

a) Công tác kiểm tra

- Tổng số cơ sở được kiểm tra: 632. Số cơ sở vi phạm: 46 cơ sở. Trong đó: Nhắc nhở: 33 cơ sở, đang xử lý 03, ngưng hoạt động 02, xử phạt: 07 cơ sở, số tiền xử phạt là 164.000.000 đồng.

- Số liệu cộng dồn đến tháng 3 năm 2023: Tổng số cơ sở được kiểm tra: 2.476, số cơ sở vi phạm: 157 cơ sở. Trong đó: nhắc nhở: 132 cơ sở, xử phạt: 18 cơ sở, số tiền phạt là 218.375.000 đồng.

b) Nhận xét, đánh giá

- So với cùng kỳ 2022: Số cơ sở được kiểm tra tăng 100%. Số tiền phạt tăng so với cùng kỳ năm trước là 164.000.000 đồng.

- So với tháng trước số lượt kiểm tra giảm 59%, lý do là chưa sắp xếp được lịch thanh tra kiểm tra phù hợp.

3. Công tác tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo:

a) Công tác tiếp công dân: 00.

b) Tiếp nhận đơn thư tố cáo: Kỳ trước chuyển sang 02; trong kỳ 00.

c) Phân loại đơn thư tố cáo: Khiếu nại 01, Phản ánh: 01.

d) Kết quả xử lý đơn thư: Chuyển đơn 00, đã giải quyết 00, đang xử lý 02.

- Số liệu cộng dồn đến tháng 3 năm 2023:

+ Tổng số 02 đơn. Trong đó: Khiếu nại: 01, Phản ánh 01 đơn.

+ Kết quả xử lý: Đã giải quyết 00, đang giải quyết 02 (01 đơn khiếu nại của BVVT ông Nguyễn Hoàng Tuấn 01 đơn phản ánh của ông Nguyễn Văn Tám).

Nhận xét, đánh giá: Trong tháng không có đơn thư khiếu nại, tố cáo nào. So cùng kỳ 2022, số đơn thư khiếu nại, tố cáo không tăng, không giảm. So với tháng trước giảm, lý do là tháng 3 không có đơn thư nào.

4. Phản ánh trên Đường dây nóng Bộ Y tế và Lãnh đạo tỉnh:

- Số lượng thông tin phản ánh tồn đầu kỳ: 01.

- Số lượng thông tin phản ánh tiếp nhận trong kỳ 05 (BV Bà Rịa (1): quy

¹⁵Kiểm tra cơ sở khám, chữa bệnh công lập, tư nhân:

a) **Phòng Y tế các huyện, thị xã, thành phố:** Số cơ sở KCB công lập được kiểm tra: 00. Số cơ sở KCB tư nhân được kiểm tra: 27. Số cơ sở YHCT được kiểm tra 01. Số cơ sở vi phạm 11. **Số liệu cộng dồn đến 3 tháng năm 2023:** Số cơ sở KCB tư nhân được kiểm tra: 44. Số cơ sở vi phạm: 12 cơ sở. Trong đó: Nhắc nhở: 01 cơ sở. Tổng số cơ sở YHCT được kiểm tra: 10. Số cơ sở vi phạm: 01 cơ sở. Trong đó: Nhắc nhở 01.

b) **Thanh tra Sở:** Số cơ sở KCB công lập kiểm tra: 04. Số cơ sở vi phạm 00. Số cơ sở KCB tư nhân được kiểm tra 03. Số cơ sở vi phạm 00. Số cơ sở YHCT được kiểm tra 06. Số cơ sở vi phạm 00. **Số liệu cộng dồn đến 3 tháng năm 2023:** Tổng số cơ sở KCB công lập được kiểm tra: 06. Số cơ sở KCB tư nhân được kiểm tra 04. Số cơ sở YHCT được kiểm tra 06. Số cơ sở vi phạm: 01 cơ sở.

Kiểm tra cơ sở Dược công lập và Dược tư nhân:

a) **Phòng Y tế các huyện, thị xã, thành phố:** Số cơ sở được công lập được kiểm tra: 00. Số cơ sở dược tư nhân được kiểm tra: 03. Số cơ sở vi phạm: 00 cơ sở. **Số liệu cộng dồn đến 3 tháng năm 2023:** Tổng số cơ sở dược tư nhân được kiểm tra 58 cơ sở. Số cơ sở vi phạm: 00.

b) **Thanh tra Sở:** Trong tháng số cơ sở dược công lập được kiểm tra: 00. Số cơ sở dược tư nhân được kiểm tra 02. Số cơ sở vi phạm: 02.

Kiểm tra cơ sở kinh doanh mỹ phẩm, hóa chất diệt khuẩn, diệt côn trùng:

a) **Phòng Y tế các huyện, thị xã, thành phố:** Trong tháng số cơ sở kinh doanh mỹ phẩm được kiểm tra: 00. Số cơ sở diệt hóa chất côn trùng được kiểm tra 09. **Số liệu cộng dồn đến 03 tháng năm 2023:** Số cơ sở kinh doanh dược phẩm 21 cơ sở. Số cơ sở diệt hóa chất côn trùng : 25 cơ sở. Số cơ sở vi phạm 00.

b) **Thanh tra Sở:** Trong tháng số cơ sở kinh doanh mỹ phẩm được kiểm tra: 00. Số cơ sở diệt hóa chất côn trùng 00 cơ sở. **Số liệu cộng dồn đến 3 tháng năm 2023:** 00 cơ sở. Số cơ sở vi phạm 00.

tắc ứng xử; TTYT TP. Vũng Tàu (2): hết vắc xin 5 trong 1; TTYT TP Phú Mỹ (1): hết vắc xin BCG; PKĐK Vũng Tàu: Quy trình khám bệnh).

- Số lượng thông tin đã được xử lý dứt điểm: 06.
- Số liệu cộng dồn đến tháng 3 năm 2023: Tiếp nhận trong kỳ 31, Xử lý, giải quyết dứt điểm: 31, đang giải quyết 00

Nhận xét, đánh giá: Tháng 3/2023 số phản ánh giảm so với tháng 02/2022 là 08 trường hợp, phản ánh chủ yếu về thiếu vaccine, chế độ BHYT, quy trình khám chữa bệnh.

5. Công tác chuyên môn Nghiệp vụ:

- Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số ngành Y tế năm 2025 định hướng năm 2030.
- Xây dựng kế hoạch tiêm vắc xin cúm mùa cho nhân viên y tế năm 2023.
- Hướng dẫn thực hiện các tiêu chí về y tế thuộc Bộ tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới cấp xã, cấp huyện giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh.
- Đánh giá hoạt động Răng Hàm Mặt, chương trình Nha học đường và triển khai Đề án 5628 năm 2023.
- Rà soát các nội dung liên quan đến dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020 (nguồn vốn ngoài ngân sách).
- Điều chỉnh kế hoạch thực hiện đánh giá chất lượng các cơ sở khám chữa bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh năm 2022.
- Góp ý cho dự thảo kế hoạch phòng chống dịch COVID-19 năm 2023 và thực hiện giám sát biến thể COVID-19.
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp đảm bảo thuốc, vật tư y tế trong công tác khám chữa bệnh.
- Tăng cường công tác chuyên môn trong phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng...
- Tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các bếp ăn tập thể.

6. Công tác Kế hoạch Tài chính:

- Giao nhiệm vụ mua sắm vật tư y tế tập trung cấp địa phương cho các cơ sở y tế thực hiện.
- Giải quyết những khó khăn vướng mắc cho Bệnh viện Bà Rịa, Bệnh viện Vũng Tàu.
- Đảm bảo đủ thuốc, vật tư, hoá chất và thiết bị y tế trong công tác khám chữa bệnh.
- Dự báo những yếu tố tác động tích cực, tiêu cực và đánh giá khả năng thực hiện kế hoạch thu, chi ngân sách năm 2023 ngành Y tế và đánh giá khả năng thực hiện dự toán chi ngân sách năm 2023.

- Tổng hợp các vướng mắc thanh toán chi phí KCB BHYT từ năm 2021 trở về trước.

- Thực hiện chuyển một số nhiệm vụ hoạt động y tế năm 2022 sang thực hiện trong năm 2023 từ nguồn bố trí dự toán năm 2023.

- Thực hiện xã hội hóa y tế theo quyết định 2207/QĐ-UBND ngày 31/07/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021 – 2025 (nguồn vốn ngoài ngân sách), được UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện.

(1) BV Bà Rịa cũ: 350 GB.

(2) BV Lê Lợi cũ: 200 GB.

(3) BVĐK Phú Mỹ: 200 GB.

(4) BVĐK Kim Long, Châu Đức: 48GB.

(5) BV Mắt kỹ thuật cao miền Đông (TPBR): 10 GB.

(6) BVĐK Long Điền kết hợp nghỉ dưỡng: 200GB.

(7) BVĐK P.11 (vị trí IMI cũ): 400 GB.

(8) Cơ sở y tế của ISRAEN.

(9) Cơ sở Ban BVSK cán bộ cũ tại BVBR.

- Về bán đấu giá Bệnh viện Bà Rịa cũ, đang dừng lại do có khó khăn trong thủ tục thực hiện.

- Về bán đấu giá Bệnh viện Lê Lợi cũ, UBND tỉnh đã tổ chức cuộc họp, phương án thực hiện có thể là không bán đấu giá nữa mà bố trí làm cơ sở 2 của Bệnh viện Vũng Tàu hoặc nâng cấp TTYT TP Vũng Tàu có giường bệnh.

7. Công tác chuyên môn khác:

a) Giám định y khoa:

- Số liệu số đối tượng được kết luận chung: 281. Trong đó:

+ Số ca khám giám định: 32 (Giám định chất độc hóa học: 01; Giám định Tai nạn lao động lần đầu: 12; Giám định Bệnh nghề nghiệp lần đầu: 03; Giám định hưu trí: 15, Giám định BHXH một lần: 01).

+ Số ca khám sức khỏe: 249.

- Cộng dồn đến tháng 3/2023:

- Số liệu số đối tượng được kết luận chung: 1.118. Trong đó:

+ Số ca khám giám định: 91 (Giám định chất độc hóa học: 07; Giám định Tai nạn lao động lần đầu: 36; Giám định Bệnh nghề nghiệp lần đầu: 09; Giám định tổng hợp: 01; Giám định hưu trí: 35; Giám định BHXH một lần: 02; Giám định khác: 01).

+ Số ca khám sức khỏe: 1.027

b) Giám định pháp y:

- Tổng số ca giám định: 39. Trong đó: Giám định thương tật 32; Giám định tử thi 00; Giám định tình dục 05; Giám định nồng độ rượu 00; Giám định khác 02.

- Số liệu cộng dồn đến tháng 3 năm 2023: Tổng số ca giám định: 117. Trong đó: Giám định thương tật 98; Giám định tử thi 00; Giám định tình dục 15; Giám định nồng độ rượu 00; Giám định khác 04.

c) Công tác đào tạo:

- Thực hiện tiến độ năm học 2022 – 2023.
- Tổ chức sinh hoạt chính trị đầu khóa cho học sinh khóa mới.
- Phối hợp với Trường CDYT Đồng Nai tổ chức nhập học và giảng dạy lớp cao đẳng Dược VB2 và cao đẳng Dược liên thông.
- Tổ chức lớp Cập nhật kiến thức chuyên ngành Dược CKD16: 37 học viên.
- Thông báo và nhận đăng ký học viên lớp cập nhật kiến thức chuyên ngành dược CKD17.
- Triển khai kế hoạch mở rộng đào tạo liên tục, đào tạo theo nhu cầu xã hội.
- Triển khai kế hoạch liên kết, hợp tác đào tạo.
- Triển khai và tư vấn công tác tuyển sinh năm 2023
- Xây dựng kế hoạch Hội giảng năm 2023.
- Phối hợp hoàn thành dự toán kinh phí lớp Bồi dưỡng Cộng tác viên dân số năm 2023.
- Lập quyết định khen thưởng toàn khóa cho học sinh lớp YSK5 đạt thành tích cao toàn khóa học.
- Hoàn thành và triển khai kế hoạch tổ chức Lễ bế giảng và trao bằng tốt nghiệp cho học sinh các lớp YVK4, YSK5, DVK4, dự kiến diễn ra vào ngày 04/3/2023).
- Triển khai kế hoạch hoạt động Khoa học công nghệ năm 2023.
- Hoàn thành danh sách đăng ký nhà giáo tham dự Hội giảng năm 2023 gửi Sở LĐTBXH.
- Hoàn thành bản dự thảo bổ sung, sửa đổi quy chế giáo viên theo Thông tư số 28/2023/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

IV. NHẬN XÉT CHUNG:

1. Tình hình dịch bệnh: Trong tháng ghi nhận 6 bệnh truyền nhiễm có số ca mắc. Trong đó 5 bệnh có số ca mắc rải rác, không gây dịch và 1 bệnh có số ca mắc cao.

2. Tình hình dịch Covid-19:

- Dịch bệnh COVID-19 đã ổn định, từ 16g00 ngày **11/03/2023** đến 16g00 ngày **12/03/2023**, toàn tỉnh không ghi nhận ca mắc COVID-19.

3. Công tác tiêm chủng mở rộng:

- Số trẻ tiêm đủ 8 loại vắc xin cho trẻ dưới 1 tuổi 1.588 trẻ, số cộng dồn 4.097, đạt tỷ lệ 27,4% chỉ tiêu kế hoạch được giao (98%).

4. Công tác phòng, chống HIV/AIDS:

Tính đến ngày 28/02/2023, số trường hợp nhiễm HIV tích lũy là 5.359 người (số hiện còn sống là 3.233 người), số bệnh nhân AIDS tích lũy đến hiện tại là 3.532 người, số người nhiễm HIV tử vong tích lũy là 2.126 trường hợp.

- So với tháng trước, số trường hợp nhiễm HIV tăng 01ca; số bệnh nhân AIDS tương đương (0 ca), số trường hợp tử vong giảm 01 ca.

- So với cùng kỳ năm trước, số trường hợp nhiễm HIV giảm 01 ca; số bệnh nhân AIDS tương đương (0 ca), số trường hợp tử vong giảm 01 ca.

5. Công tác bảo đảm an toàn thực phẩm:

- Trong tháng, không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm.

- Số liệu cộng dồn 3 tháng năm 2023: 00 vụ ngộ độc thực phẩm, 00 ca mắc, 00 ca tử vong.

6. Công tác khám chữa bệnh:

- Trong tháng đã khám, điều trị cho 174.381 lượt người, lũy tích 534.572 lượt người. Công suất sử dụng giường bệnh tuyến tỉnh là 80%, tuyến huyện là 17%.

- Khám và điều trị cho bệnh nhân nội trú trong tháng 8.107 lượt người, lũy tích 25.666 lượt người. Trong đó: tuyến tỉnh 7.706 lượt người; tuyến huyện 1.031 lượt người.

Nhận xét, đánh giá công tác khám chữa bệnh

- So với tháng trước: Số lượt KCB tăng 11%, công suất giường bệnh tuyến tỉnh tăng 25% , tuyến huyện tăng 21%.

- So với cùng kỳ năm trước: Số lượt KCB tăng 6%, công suất giường bệnh tuyến tỉnh tăng 48%, tuyến huyện tăng 54%.

7. Khám chữa bệnh đối tượng thuộc diện ban bảo vệ sức khỏe cán bộ:

Trong tháng đã khám và điều trị cho đối tượng bệnh nhân là cán bộ 2.220 lượt người. Số liệu cộng dồn đến tháng 3 năm 2023 là 5.769 lượt người.

8. Công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em:

- Các chỉ tiêu nằm trong giới hạn kiểm soát.

- Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống trong tháng ghi nhận 00 trường hợp, chiếm tỷ lệ 35,5%000 (chỉ tiêu <26%0000).

- Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 01 tuổi trong tháng ghi nhận 01 trường hợp, cộng dồn 06 trường hợp, chiếm 2,1% (chỉ tiêu dưới 8%).

- Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trong tháng ghi nhận 01 trường hợp, cộng dồn 06 trường hợp, chiếm 2,1% (chỉ tiêu dưới 14%).

- Tình trạng đẻ rơi vẫn còn xảy ra, trong tháng có 4 ca đẻ rơi.

9. Công tác Văn phòng:

- Đang nghiên cứu, tìm hiểu thông tin để xây dựng lại chính sách thu hút đào tạo, giữ chân.

- Đang lấy ý kiến các đơn vị về Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ của Sở Y tế (đang chờ ý kiến của UBND Phú Mỹ và UBND huyện Châu Đức – VB đã gửi lần 2).

- Đã hoàn thành công tác xét tuyển viên chức đợt 2 năm 2022.

- Tham mưu kiện toàn các chức danh lãnh đạo của Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị còn thiếu: Đã trình hồ sơ bổ nhiệm chức danh PGĐ SYT, đang tiếp tục kiện toàn chức danh lãnh đạo còn khuyết tại các đơn vị.

10. Công tác Thanh tra, kiểm tra:

Trong tháng tổng số cơ sở được kiểm tra: 632. Số cơ sở vi phạm: 46 cơ sở. Trong đó: Nhắc nhở: 33 cơ sở, đang xử lý 03, ngưng hoạt động 02, xử phạt: 07 cơ sở, số tiền xử phạt là 164.000.000 đồng.

Nhận xét, đánh giá

- So với cùng kỳ 2022: Số cơ sở được kiểm tra tăng 100%. Số tiền phạt tăng so với cùng kỳ năm trước là 164.000.000 đồng.

- So với tháng trước số lượt kiểm tra giảm 59%, lý do là chưa sắp xếp được lịch thanh tra kiểm tra phù hợp.

11. Công tác tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo:

Trong tháng không có đơn thư khiếu nại, tố cáo nào. So cùng kỳ 2022, số đơn thư khiếu nại, tố cáo không tăng, không giảm. So với tháng trước giảm, lý do là tháng 3 không có đơn thư nào.

12. Phản ánh trên Đường dây nóng Bộ Y tế và Lãnh đạo tỉnh:

Tháng 3/2023 số phản ánh giảm so với tháng 02/2022, là 08 trường hợp chủ yếu phản ánh về thiếu vaccine, chế độ BHYT, quy trình khám chữa bệnh.

13. Công tác chuyên môn Nghiệp vụ:

- Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số ngành Y tế năm 2025 định hướng năm 2030.

- Xây dựng kế hoạch tiêm vắc xin cúm mùa cho nhân viên y tế năm 2023.

- Hướng dẫn thực hiện các tiêu chí về y tế thuộc Bộ tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới cấp xã, cấp huyện giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh.

- Đánh giá hoạt động Răng Hàm Mặt, chương trình Nha học đường và triển khai Đề án 5628 năm 2023.

- Rà soát các nội dung liên quan đến dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2020 (nguồn vốn ngoài ngân sách).

- Điều chỉnh kế hoạch thực hiện đánh giá chất lượng các cơ sở khám chữa bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh năm 2022.

- Góp ý cho dự thảo kế hoạch phòng chống dịch COVID-19 năm 2023 và thực hiện giám sát biến thể COVID-19.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp đảm bảo thuốc, vật tư y tế trong công tác khám chữa bệnh.

- Tăng cường công tác chuyên môn trong phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng...

- Tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đối với các bếp ăn tập thể.

14. Công tác Kế hoạch Tài chính:

- Giao nhiệm vụ mua sắm vật tư y tế tập trung cấp địa phương cho các cơ sở y tế thực hiện.

- Giải quyết những khó khăn vướng mắc cho Bệnh viện Bà Rịa, Bệnh viện Vũng Tàu.

- Đảm bảo đủ thuốc, vật tư, hoá chất và thiết bị y tế trong công tác khám chữa bệnh.

- Dự báo những yếu tố tác động tích cực, tiêu cực và đánh giá khả năng thực hiện kế hoạch thu, chi ngân sách năm 2023 ngành Y tế và đánh giá khả năng thực hiện dự toán chi ngân sách năm 2023.

- Tổng hợp các vướng mắc thanh toán chi phí KCB BHYT từ năm 2021 trở về trước.

- Thực hiện chuyển một số nhiệm vụ hoạt động y tế năm 2022 sang thực hiện trong năm 2023 từ nguồn bố trí dự toán năm 2023.

- Thực hiện xã hội hóa y tế theo quyết định 2207/QĐ-UBND ngày 31/07/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn 2021 – 2025 (nguồn vốn ngoài ngân sách), được UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện.

1. BV Bà Rịa cũ: 350 GB,

2. BV Lê Lợi cũ: 200 GB.

3. BVĐK Phú Mỹ: 200 GB.

4. BVĐK Kim Long, Châu Đức: 48GB.

5. BV Mắt kỹ thuật cao miền Đông (TPBR): 10 GB.

6. BVĐK Long Điền kết hợp nghỉ dưỡng: 200GB.

7. BVĐK P.11 (vị trí IMI cũ): 400 GB.

8. Cơ sở y tế của ISRAEN.

9. Cơ sở Ban BVSK cán bộ cũ tại BVBR.

- Về bán đấu giá Bệnh viện Bà Rịa cũ, đang dừng lại do có khó khăn trong thủ tục thực hiện.

- Về bán đấu giá Bệnh viện Lê Lợi cũ, UBND tỉnh đã tổ chức cuộc họp, phương án thực hiện có thể là không bán đấu giá nữa mà bố trí làm cơ sở 2 của Bệnh viện Vũng Tàu hoặc nâng cấp TTYT TP Vũng Tàu có giường bệnh.

B. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG QUÝ II NĂM 2023

1. Triển khai thực hiện Kế hoạch số 24/KH-SYT ngày 17 tháng 02 năm 2023 của Sở Y tế, về Kế hoạch công tác y tế thực hiện Chương trình hành động của UBND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

2. Thực hiện chuyển đổi số ngành Y tế theo kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh.

3. Giải quyết các khó khăn vướng mắc cho các bệnh viện và các TTYT huyện, thị xã, thành phố.

4. Tăng cường công tác chuyên môn trong phòng chống dịch bệnh không để dịch bệnh xảy ra tình trạng dịch bệnh trong tỉnh.

5. Đảm bảo cung cấp đủ thuốc, vật tư y tế trong công tác khám chữa bệnh.

6. Theo dõi các dự án XHH y tế.

7. Kiểm tra, giám sát quản lý sử dụng trang thiết bị y tế.

8. Thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định.

Kèm theo các phụ lục./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Y tế;
- HĐND tỉnh;
- Sở KHĐT;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Các P.Giám đốc SYT;
- Các CQĐV trực thuộc;
- Các Phòng Y tế H/TX/TP;
- Các phòng CMNV SYT;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Phạm Minh An

PHỤ LỤC
BẢNG THEO DÕI CÁC CHỈ TIÊU

STT	Chỉ số	Kế hoạch 2023	Thực hiện 02/2023
	Chỉ tiêu đầu vào		
1.	Bác sĩ/ vạn dân (BS)	9,5	-
2.	Giường bệnh/ vạn dân (GB)	20,4	-
3.	Trạm Y tế xã, phường có bác sỹ làm việc (%)	100	100
	Chỉ tiêu về hoạt động		
4.	Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng đầy đủ (%)	98	27,4
5.	Tỷ lệ rác thải y tế được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn (%)	100	100
	Chỉ tiêu đầu ra		
6.	Tuổi thọ trung bình (tuổi)	76,6	-
7.	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên (%)	10,0	-
8.	Tỷ số tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ sống (%000)	< 26	35,5
9.	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi (‰)	< 8	2,1
10.	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi (‰)	< 14	2,1
11.	Tỷ lệ người nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng (%)	< 0,3	0,278
12.	Số người mắc ngộ độc thực phẩm trên 100.000 dân (Người)	< 7	00
13.	Tỷ lệ hài lòng bệnh nhân nội trú (%)	>80	94,5